TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 11 năm 2018
V/v "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bảo và bà Nguyễn Thị Mý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 137/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn B tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 06/5/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Từ thời điểm kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng hai năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B ngoại tình. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nên chị H đã tha thứ nhưng anh B vẫn tiếp tục ngoại tình, chửi mắng, hắt hủi vợ con. Khoảng tháng 3/2018, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống, không còn chung sống với nhau. Chị H thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, chị H không còn tình cảm với anh B, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Văn B có 01 con chung là cháu Lê Gia Tân P, sinh ngày 02/7/2015. Chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Lê Văn B phải cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của chị H là làm nông, phụ làm vườn với bố mẹ, thu nhập 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Lê Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo, tống đạt Đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và các văn bản tố tụng nhưng anh B vắng mặt, không có ý kiến gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa chấp hành đúng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là anh Lê Văn B có nơi cư trú tại huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Ia Grai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[3] Chị Trần Thị H và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị H: Chị H cho rằng anh B ngoại tình nhiều lần nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, xét thấy trong cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng vẫn không thể dung hòa được. Giữa chị H và anh B đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài. Anh B đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện nhưng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh B là nghiêm trọng, mâu thuẫn đã kéo dài, không còn quan tâm, thương yêu, chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ chung sống với nhau, nên mâu thuẫn hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy chị H đủ điều kiện để đảm bảo cho việc trực tiếp nuôi con, anh B không có ý kiến phản đối nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Lê Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia Tân P, sinh ngày 02/7/2015 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Lê Văn B có quyền và nghĩa vụ được thăm nom con không trực tiếp nuôi mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004876 ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Huy